

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày 02/4/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp

nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Dự.

2. Bà Ngôn Thị Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tịch - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXHNGĐ - ST ngày 15 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị H, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Xóm R, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt có lý do)

2. Bị đơn: Anh T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Xóm R, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 29 tháng 02 năm 2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn chị Triệu Thị H trình bày: Chị và anh Nông Đình T sau thời gian tìm hiểu thì tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào T 2011, sau đó tiến hành đăng ký kết hôn ngày 27/01/2011 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký kết hôn do hai vợ chồng tự nguyện thực hiện. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau một con chung tên là Nông Đình Ô, sinh ngày 17/3/2011, hiện nay con đang sống chung với anh T. Tuy

nhien sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, bất đồng quan điểm, hay cãi vã trong sinh hoạt hằng ngày. Vì vậy chị và anh T đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai bên cũng không hỏi thăm, không có ý định hàn gắn lại vợ chồng. Giữa hai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung. Nay chị xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn anh T. Sau khi ly hôn, anh T sẽ tiếp tục nuôi con chung và chị cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ. Các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời chị có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại lời khai nhận ngày 11/3/2024 bị đơn Nông Đình T trình bày: Anh kết hôn với chị Triệu Thị H năm 2011 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K ngày 27/01/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên là Nông Đình Ô sinh ngày 17/3/2011. Hiện nay con đang sống với anh. Nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính cách, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, từ năm 2022 chị H đi làm thì không về thăm bố con tôi, cũng không gửi tiền về giúp tôi nuôi con. Anh xác nhận giữa hai vợ chồng không có tài sản chung; Không có nợ chung. Nay chị H làm đơn ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Sau khi ly hôn anh đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Đồng thời anh có đơn đề nghị Tòa không hòa giải và xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thông qua tóm tắt nội dung và các yêu cầu cần giải quyết của vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn anh T. Giao con chung cho anh T chăm sóc và buộc chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Tài sản chung, nợ chung do không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Buộc chị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm Hôn nhân gia đình và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:* Chị H và anh T có nơi cư trú tại xóm R, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn với anh T, sau khi ly hôn anh T sẽ trực tiếp nuôi con chung và chị H cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật

tổ tụng dân sự. Quan hệ tranh chấp là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Triệu Thị H và anh Nông Đình T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt. Hai bên đương sự cũng đã có lời khai thể hiện ý kiến của cá nhân mình. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn mở phiên tòa giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh T đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 01 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại các Điều 9, 11 và 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000. Như vậy, việc kết hôn giữa chị H và anh T là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được công nhận kể từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Tuy nhiên, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn; hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung và đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Mâu thuẫn này cũng được anh T xác nhận và nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị H. Xét thấy cuộc sống vợ chồng chị H, anh T không thể hàn gắn lại được, gia đình không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cho chị Hương được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. *Về con chung*: Giữa chị H và anh T có 01 con chung hiện đang sống với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án cả chị H và anh T đều nhất trí để anh T tiếp tục nuôi con và chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ. Xét thấy cháu Ô đã sống cùng anh T từ nhỏ, quen với nếp sống, sinh hoạt và môi trường nhà anh T nên không cần thiết phải thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Xét thấy mức 1.500.000đ mỗi tháng mà chị H đưa ra là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Nông Đình T và chị Triệu Thị H đều xác nhận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0002646 ngày 01/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, nay còn phải nộp thêm số tiền 300.000đ.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Triệu Thị H được ly hôn anh Nông Đình T.

2. *Về con chung:* Giao cháu Nông Đình Ô, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2011 cho anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế). Buộc chị Triệu Thị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2024.

Sau khi ly hôn, chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0002646 ngày 01/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, nay còn phải nộp thêm số tiền 300.000đ.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Triệu Thị H và anh Nông Đình T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhân:

- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Văn Tùng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Dự Ngôn Thị Liêm

Nông Văn Tùng

